

Bản án số: 110/2021/HS-ST

Ngày: 26-8-2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẨM PHẢ - TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thu Đông

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Minh Tuấn và bà Nguyễn Thị Hiền

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Phan Hải - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa: Ông Trịnh Hải Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 8 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 74/2021/TLST-HS ngày 27 tháng 5 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 95/2021/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 7 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2021/HSST-QĐ ngày 29 tháng 7 năm 2021; Thông báo về việc mở lại phiên tòa số 16/2021/TB-TA ngày 18 tháng 8 năm 2021, đối với bị cáo:

Phạm Duy K - tên gọi khác: Không; Sinh ngày 13 tháng 9 năm 1983, tại Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh; Nơi cư trú: Tổ 5, khu T1, phường C2, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hoá: 11/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Phạm Văn H và bà: Trần Thị T; Có vợ là Nguyễn Thị N (đã ly hôn) và 02 con, con lớn sinh năm 2005, con nhỏ sinh năm 2012.

Tiền án:

+ Ngày 05/9/2014, Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả xử phạt 15 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, bị cáo chưa thi hành phần dân sự của bản án.

+ Ngày 11/8/2017, Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả xử phạt 02 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và tội “Trộm cắp tài sản”, bị cáo chưa thi hành phần dân sự của bản án.

Tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt quả tang ngày 11/02/2021, hiện tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Ninh. Có mặt.

- Bị hại:

+ Ông Lê Thanh N1, sinh năm 1959; Nơi cư trú: Tổ 5, khu C, phường C1, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

+ Anh Nguyễn Hữu N2, sinh năm 1985; Nơi cư trú: Tổ 4, khu 5B, phường C3, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

+ Anh Phạm Văn C4, sinh năm 1981; Nơi cư trú: Tổ 49, khu 4B2, phường C5, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

+ Anh Phạm Hồng H1, sinh năm 1978; Nơi cư trú: Tổ 2, khu 5B, phường C7, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

+ Anh Nguyễn Văn T2, sinh năm 1976; Nơi cư trú: Tổ 5, khu H2, phường C2, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Người tham gia tố tụng khác:*

Người làm chứng: Ông Hoàng Văn N3, anh Nguyễn Văn T3, anh Phạm Văn V, anh Cháu Sinh D, anh Nguyễn Đắc Q đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do không có nghề nghiệp và thu nhập, để có tiền ăn tiêu, trong thời gian từ ngày 28/12/2020 đến ngày 11/02/2021, Phạm Duy K đã thực hiện nhiều vụ lừa đảo và trộm cắp tài sản trên địa bàn thành phố Cẩm Phả, cụ thể:

Vụ thứ nhất: Khoảng 16 giờ ngày 28/12/2020, Phạm Duy K đi qua cửa hàng đồ gỗ TN tại số 319, đường L1, phường C6, thành phố Cẩm Phả thấy bày bán nhiều đồ gỗ nội thất, K nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của cửa hàng. K gặp anh Nguyễn Hữu N2 (*chủ cửa hàng*), nói dối cần mua 01 bộ bàn ghế gỗ, 01 tủ gỗ 02 buồng và thỏa thuận giá mua bán là 9.700.000 đồng, giao hàng tại nhà K. Hôm sau đến hẹn, anh N2 cùng nhân viên chở bàn ghế và tủ đến lắp đặt cho K. Để anh N2 tin tưởng, K thỏa thuận trả trước 6.000.000 đồng thông qua chuyển khoản bằng ứng dụng MB bank trên điện thoại, còn lại sẽ thanh toán vào ngày 08/01/2021. K biết rõ trong tài khoản không có tiền (*tài khoản của K chỉ có 01 VNĐ*) nhưng vẫn giả vờ dùng điện thoại Iphone 6, thực hiện thao tác chuyển khoản nhưng bảo anh N2 là không chuyển được và đổ lỗi tại hệ thống, hẹn anh N2 hôm sau sẽ mang tiền mặt đến trả, anh N2 tưởng thật nên đồng ý. Sau khi có được tài sản, K đã tìm người để bán. Ngày 04/01/2021 K bán bộ bàn ghế cho bạn là anh Nguyễn Văn T2 (trú tại tổ 5, khu H2, phường C2, thành phố Cẩm Phả) với giá 6.000.000 đồng. Anh T2 thanh toán cho K 3.500.000 đồng, còn lại trừ vào số tiền nợ cũ của K. Ngày 06/01/2021, K sử dụng tài khoản Facebook “LSSI Pham” của mình để vào fanpage “*Đồ cũ, đồ mới Cẩm Phả*”, lấy số điện thoại để liên hệ bán cho anh Nguyễn Đắc Q (*trú tại tổ 71, khu D1, phường C8, thành phố Cẩm Phả*) chiếc tủ gỗ với giá 1.500.000 đồng. Còn anh N2 quá hẹn không thấy K trả tiền, đã nhiều lần gọi điện để đòi, nhưng K chỉ hứa hẹn và khất lần. Ngày 13/01/2021, anh N2 đến nhà anh Q chơi thì biết K bán chiếc tủ cho anh Q nên đã đến công an trình báo và mua lại chiếc tủ từ anh Q với giá 1.800.000 đồng. Còn bộ bàn ghế, Cơ quan điều tra giao cho anh T2 trông coi, quản lý.

Vụ thứ hai: Anh Phạm Văn C4 (*trú tại tổ 49, khu 4B2, phường C5, thành phố Cẩm Phả*) được K gọi đến để thi công trần nhựa cho gia đình K ở tổ 5, khu T1, phường C2, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh. Thấy anh C4 sử dụng chiếc xe mô tô Honda Blade, biển số 14U1-417.11, K đã nảy sinh ý định chiếm đoạt. Khoảng 09 giờ ngày 09/01/2021, K hỏi mượn xe của anh C4 để sử dụng. Anh C4 đồng ý. Sau khi nhận được xe, K đã đem xe đến nhà bạn là anh Cháu Sinh D ở tổ 5, khu Tân Lập 5, phường C6, thành phố Cẩm Phả để gửi nhờ, mục đích để đem đi cầm cố lấy tiền nhưng không nói cho Dương biết. Vì không có giấy tờ kèm theo, khi tiêu thụ sẽ không được giá cao, nên ngày 11/01/2021 K nói dối anh C4 do vi phạm an toàn giao thông bị Công an giữ xe, cần giấy đăng ký để nhờ người xin giúp và bảo anh C4 cầm đến công Công an thành phố Cẩm Phả cho K. Tin tưởng, anh C4 đã giao giấy đăng ký xe mô tô cho K. Sau đó K đem xe cùng giấy đăng ký đến hiệu cầm đồ XT bán chiếc xe trên cho anh Phạm Hồng H1 (*chủ cửa hiệu cầm đồ*) với giá 10.000.000 đồng. Khi bán xe, K nói với anh H1 là xe của cậu K nhờ bán hộ. Sáng ngày 12/01/2021, anh C4 đến nhà K để đòi thì K cho biết đã bán xe. Anh C4 đã đến cơ quan Công an trình báo, đồng thời tháo dỡ trần nhựa đã thi công vì K không có tiền trả. Cơ quan điều tra đã thu giữ giấy đăng ký và chiếc xe trên trả lại cho anh C4.

Vụ thứ ba: Khoảng 06 giờ ngày 11/02/2021, Phạm Duy K đi bộ đến cửa hàng tạp hóa của gia đình ông Lê Thanh N1 ở tổ 5, khu C, phường C1, thành phố Cẩm Phả để mua 01 thẻ điện thoại Mobifone mệnh giá 50.000 đồng. Trong lúc ông N1 vào trong nhà để lấy thẻ bán, K quan sát thấy chiếc điện thoại hiệu Redmi (*được bọc vỏ ốp lưng phía ngoài, ở giữa cất 2.000.000 đồng*) của ông N1 để trên mặt kệ tivi, nên đã nảy sinh ý định trộm cắp. Mua xong chiếc thẻ Mobifone, K hỏi mua tiếp 01 thẻ Vinaphone mệnh giá 100.000 đồng. Ông N1 vào trong nhà để lấy thẻ, thì K đã lấy trộm chiếc điện thoại trên cất vào túi quần. Khi ông N1 mang thẻ điện thoại loại 20.000 đồng ra, K bảo không mua nữa và bỏ đi. Được một đoạn, K lấy tiền trong điện thoại ra cất vào ví của mình. Cùng lúc này, ông N1 kiểm tra phát hiện bị mất điện thoại nên đã lấy xe máy đuổi theo và nhờ anh Nguyễn Văn T3 (*là hàng xóm*) giúp đỡ. Đến đoạn bờ hồ C9, thuộc phường C1, K thấy ông N1 và anh Tuấn đuổi theo nên đã vứt chiếc điện thoại xuống hồ. Đuổi được K, ông N1 yêu cầu K xuống hồ tìm lại điện thoại nhưng không tìm được, ông N1 đã trình báo Công an. Cơ quan điều tra thu giữ của K: 01 ví da màu đen bên trong có 2.044.000 đồng (*trong đó có 2.000.000 đồng lấy của ông N1*); 01 thẻ điện thoại Mobifone mệnh giá 50.000 đồng; 01 điện thoại Iphone 6 màu vàng. Cơ quan điều tra đã trả lại số tiền 2.000.000 đồng cho ông Nghich.

Tại các bản kết luận giám định tài sản số 11 ngày 08/02/2021, số 13 ngày 27/02/2021, số 20 ngày 26/02/2021 của Hội đồng định giá thường xuyên định giá tài sản trong tố tụng hình sự - UBND thành phố Cẩm Phả kết luận: Chiếc xe máy

nhãn hiệu Honda Blade biển số 14U1-417.11 giá định giá là 14.000.000 đồng; chiếc tủ gỗ 02 cánh giá định giá là 3.400.000 đồng; một bộ bàn ghế gỗ giá định giá 6.300.000 đồng; Chiếc điện thoại di động hiệu Xiaomi Redmi 8 giá định giá 2.423.000 đồng.

Quá trình điều tra, Phạm Duy K khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên, bị cáo khai thêm: Số tiền **17.500.000** đồng do phạm tội mà có, bị cáo đã trả nợ cho anh Nguyễn Văn T2 2.500.000 đồng; trả cho anh Cháu Sinh D 3.500.000 đồng, trả nợ cho anh Phạm Hồng H1 1.000.000 đồng; chuộc chiếc điện thoại mà bị cáo cầm cố tại quán cầm đồ XT 1.500.000 đồng; số tiền còn lại bị cáo đã ăn tiêu hết.

Bị hại anh Nguyễn Hữu N2 trong quá trình điều tra và tại đơn xin xét xử vắng mặt có lời khai, quan điểm thể hiện: Anh và bị cáo K không quen biết, không mâu thuẫn gì. Ngày 28/12/2020, K đến cửa hàng của anh hỏi mua một bộ bàn ghế gỗ sồi (gồm 01 ghế dài, 02 ghế đơn, 01 bàn mặt kính nhỏ, 01 bàn mặt kính to), có giá 6.300.000 đồng và một tủ 2 buồng gỗ xoan, có giá 3.400.000 đồng. Ngày hôm sau, anh chở bộ bàn ghế và tủ đến nhà K lắp đặt, K nói thanh toán trước 6.000.000 đồng bằng hình thức chuyển khoản và nợ lại 3.700.000 đồng, anh đồng ý. Nhưng sau đó K lại bảo tài khoản bị lỗi không chuyển được, hẹn hôm sau thanh toán. Anh đã nhiều lần gọi điện, nhắn tin, đến nhà tìm K để đòi tiền nhưng K đều không trả. Sau đó anh được biết K đã bán chiếc tủ gỗ mua của anh cho người tên Quang với giá 1.500.000 đồng nên anh đã đến chuộc lại chiếc tủ với giá 1.800.000 đồng. Nhận thấy K có hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản nên anh đã đến cơ quan Công an trình báo. Tại cơ quan điều tra, anh yêu cầu K phải bồi thường cho anh giá trị tài sản đã bị chiếm đoạt với số tiền là 8.100.000 đồng. Tuy nhiên, tại đơn xin xét xử vắng mặt, anh thay đổi yêu cầu bồi thường thiệt hại, yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 9.700.000 đồng, bao gồm giá trị bộ bàn ghế là 6.300.000 đồng, giá trị chiếc tủ gỗ là 3.400.000 đồng do anh chuộc tủ về nhưng bị hỏng hiện không sử dụng được. Về phần hình phạt anh đề nghị xem xét xử bị cáo theo quy định của pháp luật.

Bị hại anh Phạm Văn C4 trong quá trình điều tra và tại đơn xin xét xử vắng mặt có lời khai, quan điểm thể hiện: Do bạn bè giới thiệu nên ngày 07/01/2021 Phạm Duy K có gọi điện thuê anh làm ốp trần nhựa cho nhà K, anh đồng ý. Ngày 09/01/2021, anh cùng với anh Phạm Văn V đi xe mô tô Honda Blade BKS 14U1-417.11 (xe anh mua nhưng nhờ cậu là Hoàng Văn N3 đứng tên đăng ký vì không có hộ khẩu ở thành phố Cẩm Phả) đến nhà K để làm trần nhựa. Sau đó, K có hỏi mượn xe mô tô của anh, bảo đi có việc. Do tin tưởng nên anh đã đưa xe cho K mượn, sau đó K đi đâu làm gì anh không biết. Anh đã nhiều lần yêu cầu K trả lại xe, nhưng K vẫn không trả, còn nói dối xe bị công an giữ, bảo anh đưa giấy tờ để K nhờ người giải quyết. Sau đó, anh được biết K đã đem xe mô tô của anh đi cầm tại hiệu cầm đồ XT nên anh đã đến cơ quan công an trình báo, tố cáo việc làm của K. Anh đã được

nhận lại chiếc xe mô tô Honda Blade BKS 14U1- 417.11 nên không yêu cầu bị cáo bồi thường gì. Về phần hình phạt anh đề nghị xử bị cáo theo quy định của pháp luật.

Bị hại ông Lê Thanh N1 trong quá trình điều tra và tại đơn xin xét xử vắng mặt có lời khai, quan điểm thể hiện: Vào khoảng 6 giờ ngày 11/02/2021 khi ông đang ở cửa hàng tạp hóa của gia đình thì K đến hỏi mua thẻ điện thoại, sau đó lợi dụng lúc ông vào bên trong nhà để tìm thẻ điện thoại, K đã lấy trộm của ông 01 chiếc điện thoại Redmi 8 và số tiền 2.000.000 đồng để trong ốp điện thoại. Ông đã được nhận lại số tiền 2.000.000 đồng, còn chiếc điện thoại do bị cáo ném xuống hồ, không tìm được nên ông yêu cầu bị cáo phải bồi thường giá trị chiếc điện thoại với số tiền 2.423.000 đồng; đồng thời đề nghị xử lý bị cáo theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Phạm Hồng H1, anh Nguyễn Văn T2 trong quá trình điều tra có lời khai thể hiện:

Anh Phạm Hồng H1 khai: Do tin tưởng K là người quen trước đây đã từng cầm đồ tại hiệu của anh, nên ngày 11/01/2021, anh đã đồng ý mua chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Blade biển số 14U1-417.11 của K (K nói là của cậu K nhờ mang đi cầm và bán hộ) với giá 10.000.000 đồng. Sau khi biết chiếc xe này là tang vật của vụ án, anh đã tự nguyện giao nộp lại cho cơ quan công an. Khi mua xe anh không biết đây là tài sản do K phạm tội mà có, anh yêu cầu K phải trả lại cho anh số tiền 10.000.000 đồng.

Anh Nguyễn Văn T2 khai: Anh và K quen biết nhau từ trước, không có mâu thuẫn gì. Khoảng thời gian đầu tháng 01/2021 anh có mua của K một bộ bàn ghế với giá 6.000.000 đồng. Khi bán bộ bàn ghế, K có cho anh xem hoá đơn bán lẻ, anh thấy có đủ giấy tờ nên mới đồng ý mua. Hiện gia đình anh khó khăn, không có bàn ghế để sử dụng nên anh đề nghị được tiếp tục quản lý, sử dụng bộ bàn ghế này.

Người làm chứng các anh Nguyễn Đắc Q, Nguyễn Văn T3, Phạm Văn V, Hoàng Văn N3, Cháu Sinh D trong quá trình điều tra đều có lời khai thể hiện về thời gian, địa điểm, diễn biến sự việc bị cáo chiếm đoạt tài sản của các bị hại phù hợp lời khai của bị cáo và các bị hại.

Tại bản Cáo trạng số: 79/CT-VKSCP ngày 26/5/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh đã truy tố bị cáo Phạm Duy K về các tội: “Trộm cắp tài sản”, “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm g khoản 2 Điều 173 và điểm d khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

- Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố như Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Phạm Duy K phạm các tội: “Trộm cắp tài sản” và tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; Áp dụng: Điểm g khoản 2 Điều 173; điểm d khoản 2 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 (riêng đối với tội: Lừa đảo chiếm đoạt tài sản); Điều 55 Bộ luật hình sự, đề nghị xử phạt: Bị cáo Phạm Duy K từ 24 (Hai bốn) tháng tù đến 30 (Ba mươi) tháng tù về tội “Trộm

cấp tài sản”; từ 30 (Ba mươi) tháng tù đến 36 (Ba sáu) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội từ 54 (Năm mươi tư) tháng tù đến 66 (Sáu mươi sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt 11/02/2021.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 584; Điều 589 Bộ luật dân sự: Buộc bị cáo Phạm Duy K phải bồi thường cho anh Nguyễn Hữu N2 số tiền 9.700.000 đồng; bồi thường cho ông Lê Thanh N1 số tiền 2.423.000 đồng; bồi thường cho anh Phạm Hồng H1 số tiền 10.000.000 đồng.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, c khoản 2; điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, xử lý vật chứng của vụ án: Tịch thu tiêu hủy 01 thẻ điện thoại Mobifone loại 50.000 đồng; 01 ví giả da đã cũ; tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6, màu vàng; trả lại bị cáo số tiền 44.000 đồng; trả cho anh Nguyễn Văn T2 01 bộ bàn ghế gỗ sồi để quản lý, sử dụng.

- Bị cáo Phạm Duy K thừa nhận hành vi phạm tội, không tranh luận, tại lời nói sau cùng bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Cẩm Phả, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cẩm Phả, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra truy tố, xét xử đã được thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, những người tham gia tố tụng không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

[2] Đối với bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và những người làm chứng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa: Xét thấy quá trình điều tra đã có đầy đủ lời khai, ý kiến của những người này; bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều có đơn xin xét xử vắng mặt nên việc vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử. Căn cứ vào các điều 292, 293 Bộ Luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử, chủ tọa phiên tòa công bố lời khai trong quá trình điều tra của những người vắng mặt tại phiên tòa.

[3] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Phạm Duy K đều thành khẩn thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai nhận

tội của bị cáo phù hợp với các tài liệu chứng cứ như: Lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng; Biên bản bắt người phạm tội quả tang; Biên bản kiểm tra điện thoại; Biên bản niêm phong đồ vật, tài liệu bị tạm giữ; Kết luận định giá tài sản cùng các tài liệu chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án, đã được làm rõ tại phiên tòa, đủ cơ sở kết luận: Trong các ngày 28/12/2020, 07/01/2021 trên địa bàn thành phố Cẩm Phả, Phạm Duy K đã dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt 01 bộ bàn ghế gỗ sồi, 01 tủ gỗ xoan trị giá 9.700.000 đồng của anh Nguyễn Hữu N2; 01 chiếc xe mô tô Honda Blade biển kiểm soát 14U1-417.11 trị giá 14.000.000 đồng của anh Phạm Văn C4. Ngày 11/02/2021 lợi dụng sơ hở, K đã trộm cắp 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Xiaomi Redmi 8 trị giá 2.423.000 đồng và số tiền 2.000.000 đồng của ông Lê Thanh N1.

Hành vi nêu trên của bị cáo đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” và tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 và điểm d khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự, như Cáo trạng số 79/CT-VKSCP ngày 26/5/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cẩm Phả truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, có căn cứ pháp luật.

[4] Về nhân thân, tính chất, mức độ thực hiện tội phạm của bị cáo:

Hành vi phạm tội của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu của người khác về tài sản được pháp luật nói chung, luật hình sự nói riêng bảo vệ, hành vi của bị cáo không chỉ gây thiệt hại về tài sản của người khác, mà còn gây dư luận xấu trong nhân dân, làm mất trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo có 02 tiền án: Ngày 05/9/2014, đã bị Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả xử phạt 15 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; ngày 11/8/2017, bị Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả xử phạt 02 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và “Trộm cắp tài sản”, đều chưa được xóa án tích, vì vậy bị cáo phạm tội lần này thuộc trường hợp: Tái phạm nguy hiểm, là tình tiết định khung hình phạt. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cẩm Phả truy tố bị cáo về tội danh, khung hình phạt theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173; điểm d khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

Bị cáo là người trưởng thành, có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được tài sản của người khác là bất khả xâm phạm nhưng do lười lao động, muốn nhanh chóng được hưởng thụ, có tiền ăn tiêu nên đã lợi dụng sự tin tưởng của bị hại, dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt 01 bộ bàn ghế, 01 tủ gỗ của anh Nguyễn Hữu N2, trị giá 9.700.000 đồng và 01 xe mô tô của anh Phạm Văn C4, trị giá 14.000.000 đồng; lợi dụng sơ hở trong việc quản lý tài sản của bị hại, bị cáo đã thực hiện hành vi trộm cắp 01 điện thoại Xiaomi Redmi 8 trị giá 2.423.000 đồng, bên trong ốp điện thoại có số tiền 2.000.000 đồng của ông Lê Thanh N1. Bản thân bị cáo đã nhiều lần bị đưa ra xét xử về hành vi chiếm đoạt tài sản nhưng không lấy đó làm bài học để tu dưỡng, rèn luyện mà lại tiếp tục phạm tội, thể hiện thái độ coi

thường, bất chấp pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử thấy cần phạt bị cáo một mức án nghiêm khắc tương xứng với hành vi phạm tội, cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục đối với bị cáo và để phòng ngừa chung trong xã hội.

[5] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo hai lần dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản của anh Nguyễn Hữu N2 và anh Phạm Văn C4 nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Phạm tội 02 lần trở lên theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự, đối với hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn, tỏ ra ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[6] Về áp dụng hình phạt bổ sung: Bị cáo không có nghề nghiệp ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra và tại đơn xin xét xử vắng mặt, bị hại anh Nguyễn Hữu N2 yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 9.700.000 đồng, bao gồm: 01 bộ bàn ghế gỗ sồi trị giá 6.300.000 đồng và 01 chiếc tủ gỗ trị giá 3.400.000 đồng (tủ gỗ anh đã chuộc lại nhưng hiện bị hỏng, không sử dụng được); bị hại ông Lê Thanh N1 yêu cầu bồi thường giá trị chiếc điện thoại bị cáo đã chiếm đoạt với số tiền là 2.423.000 đồng; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Phạm Hồng H1 yêu cầu bồi thường số tiền đã mua xe mô tô Honda Blade biển kiểm soát 14U1-417.11 là 10.000.000 đồng. Tại phiên tòa, bị cáo đồng ý bồi thường theo yêu cầu của anh N2, ông N1, anh H1. Xét thấy sự thỏa thuận về bồi thường của bị cáo và bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là phù hợp, nên được chấp nhận. Bị hại anh Phạm Văn C4 đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt, không yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại nên không xem xét giải quyết.

[8] Về xử lý vật chứng của vụ án:

- 01 (một) thẻ điện thoại Mobifone, loại 50.000đồng; 01 (một) ví giả da đều đã cũ, đã sử dụng. Đây là vật chứng không có giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6, màu vàng, model A1586 kèm 01 sim, viền máy và mặt sau máy có nhiều vết xước. Điện thoại đã qua sử dụng, đã cũ, không kiểm tra chất lượng bên trong. Đây là phương tiện bị cáo dùng vào việc phạm tội nên tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước

- Đối với số tiền 44.000đ (Bốn mươi bốn nghìn đồng) thu của bị cáo. Đây là tài sản riêng của bị cáo, không liên quan đến việc phạm tội, nên trả lại bị cáo.

- Đối với 01 bộ bàn ghế gỗ sồi (gồm 01 ghế dài, 02 ghế đơn, 01 bàn mặt kính nhỏ, 01 bàn mặt kính to) hiện đang được Cơ quan điều tra giao cho anh Nguyễn

Văn T2 trông coi, quản lý, anh T2 trình bày khi anh mua bộ bàn ghế của K đã được xem hóa đơn, giấy tờ mua bán nên anh mới đồng ý mua, đây là tài sản do anh giao dịch ngay tình mà có; đồng thời, anh N2 là chủ sở hữu hợp pháp của bộ bàn ghế cũng có quan điểm không lấy lại bộ bàn ghế mà yêu cầu bị cáo phải bồi thường bằng tiền tương đương với giá trị tài sản bị chiếm đoạt. Xét yêu cầu này của anh T2 là phù hợp, cần chấp nhận, trả cho anh T2 01 bộ bàn ghế gỗ sồi để quản lý, sử dụng.

[9] Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[10] Đối với các anh Phạm Hồng H1, Nguyễn Văn T2, Nguyễn Đắc Q là những người mua tài sản từ Phạm Duy K nhưng không biết do K phạm tội mà có nên không đề cập xử lý.

Đối với anh Cháu Sinh D không biết chiếc xe máy Phạm Duy K gửi nhờ là do lừa đảo chiếm đoạt mà có, nên không đề cập xử lý.

Đối với chiếc xe mô tô Honda Blade biển kiểm soát 14U1-417.11 cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu là anh Phạm Văn C4 nên không đề cập giải quyết.

Đối với 01 USB chứa đoạn video ghi lại việc Phạm Duy K đến hiệu cầm đồ XT của anh Phạm Hồng H1 để bán xe mô tô Honda Blade biển kiểm soát 14U1-417.11. Xét thấy đoạn video trong USB là chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo nên cần lưu giữ 01 USB trong hồ sơ vụ án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh và hình phạt:

Tuyên bố: Bị cáo Phạm Duy K phạm tội: “Trộm cắp tài sản” và tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Căn cứ vào: Điểm g khoản 2 Điều 173; điểm d khoản 2 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 (riêng đối với tội: Lừa đảo chiếm đoạt tài sản); Điều 55 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Phạm Duy K 02 (Hai) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” và 02 (Hai) năm 6 (Sáu) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 04 (Bốn) năm 6 (Sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt 11/02/2021.

2. Về trách nhiệm dân sự:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 584; Điều 589 Bộ luật dân sự.

Bị cáo Phạm Duy K có trách nhiệm bồi thường cho anh Nguyễn Hữu N2 số tiền 9.700.000đ (Chín triệu bảy trăm nghìn đồng); bồi thường cho ông Lê Thanh N1 số tiền 2.423.000đ (Hai triệu bốn trăm hai ba nghìn đồng); bồi thường cho anh Phạm Hồng H1 số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hạn thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, c khoản 2; điểm a, b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) thẻ điện thoại Mobifone, loại 50.000đồng; 01 (một) ví giả da đã cũ, đã sử dụng.

- Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6, màu vàng, model A1586 kèm 01 sim, viền máy và mặt sau máy có nhiều vết xước. Điện thoại đã qua sử dụng, đã cũ, không kiểm tra chất lượng bên trong.

- Trả lại bị cáo số tiền 44.000đ (Bốn mươi bốn nghìn đồng) tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

(Tình trạng vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng số 125/BB-THA, ngày 31/05/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh).

- Trả cho anh Nguyễn Văn T2 01 (một) bộ bàn ghế gỗ sồi (gồm 01 ghế dài, 02 ghế đơn, 01 bàn mặt kính nhỏ, 01 bàn mặt kính to) để quản lý, sử dụng.

(Tình trạng bộ bàn ghế theo Biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu ngày 30/01/2021 của Công an thành phố Cẩm Phả).

4. Về án phí: Căn cứ vào Điều 135; Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án:

Buộc bị cáo Phạm Duy K phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 1.106.150 đồng (Một triệu một trăm linh sáu nghìn một trăm năm mươi đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 331 và Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự:

Án xử công khai, có mặt bị cáo, vắng mặt bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Báo cho bị cáo biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm

yết theo quy định của pháp luật; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần bản án hoặc quyết định có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND thành phố Cẩm Phả;
- CCTHADS thành phố Cẩm Phả;
- Bị cáo; bị hại; Người có qlnvly đến vụ án;
- CQCSĐT Công an thành phố Cẩm Phả;
- CQTHAHS Công an thành phố Cẩm Phả;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Ninh;
- Lưu: HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thu Đông